TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 680/2017/DS-ST
Ngày: 26-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Vũ Anh Tài
Ông Nguyễn Văn Soan
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp *tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2017/DSST ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1552/2017/QĐXX- DS ngày 21 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1770/2017/QĐST- DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2013/2017/QĐST- DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T; Trụ sở: Tầng 1-7 tòa nhà T, số 72 đường Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T;

Trụ sở chi nhánh: Số 165-167-169 đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 16 đường D, Phường V, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt);

(Theo văn bản ủy quyền số: 134/UQTT-QTRR.17 ngày 17/4/2017).

Bị đơn: Bà Phạm Kim N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số C5-02 chung cư A đường O, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07 tháng 01 năm 2014, bà Phạm Kim N có ký hợp đồng tín dụng số 20140106-500001-0028 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (Gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 21.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay là để tiêu dùng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng bà N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36.524.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.522.000 đồng. Tháng cuối cùng trả 1.518.000 đồng, thanh toán vào ngày 09 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 09/02/2014.

Thực hiện hợp đồng bà N đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T được 10 lần với số tiền 18.264.000 đồng (trong đó gồm tiền gốc 7.512.878 đồng và tiền lãi 10.751.122 đồng). Trong quá trình khởi kiện Ngân hàng yêu cầu bà N trả số tiền 13.487.122 đồng nhưng sau đó bà N đã thanh toán thêm một lần với số tiền là 900.000 đồng. Đến nay hợp đồng tín dụng của bà N đã hết thời hạn thanh toán (hợp đồng tín dụng kết thúc vào ngày 09/01/2016) bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Kim N thanh lý hợp đồng trả khoản tiền bao gồm: trả toàn bộ khoản nợ tới hạn: 12.587.122 đồng và không yêu cầu tính lãi từ thời điểm bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật. Lãi suất chậm thi hành án được tính theo Bộ luật dân sự năm 2005.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập bà N đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà N không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà N tại địa chỉ Số C5-02 chung cư A đường O, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bà N đang cư ngụ tại địa chỉ trên, do đó tòa án tống đạt và niêm yết cho bà N tại địa chỉ C5-02 chung cư A đường O, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử vắng mặt bà N.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà N hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2017 và ngày 20/7/2017; Biên bản về việc không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày

30/6/2017 và ngày 20/7/2017; đơn xin vắng mặt ngày 06/9/2017 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T do ông Nguyễn Văn P là đại diện theo ủy quyền vẫn giữ yêu cầu buộc bà Phạm Kim N phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20140106-500001-0028 ngày 07/01/2014, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.587.122 đồng đồng và không yêu cầu tính lãi từ thời điểm bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thanh toán trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án (nếu có) thì nguyên đơn yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 theo đó mức lãi suất được tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T không yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng .

Bà N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn lại tiền nộp án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T khởi kiện bị đơn bà Phạm Kim N về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20140106-500001-0028 ngày 07/01/2014 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn bà N có nơi cư trú tại số C5-02 chung cư A đường O, Phường M, quận G, Thành phố

Hồ Chí Minh, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20140106-500001-0028 ngày 07/01/2014 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T với bà Phạm Kim N cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngay sau khi ký hợp đồng bà N đã nhận đủ tiền vay 21.000.000 đồng, Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay bà N mới trả được 10 lần với số tiền 18.264.000 đồng. Trong quá trình khởi kiện bà N đã thanh toán thêm một lần với số tiền là 900.000 đồng. Tổng cộng là 19.164.000 đồng.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký bà N phải thanh toán cho Ngân hàng 24 kỳ. Tuy nhiên sau khi nhận đủ số tiền vay, bà N mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng 10 kỳ với tổng số tiền là 19.164.000 đồng, như vậy bà N còn phải trả 12.587.122 đồng tiền nợ gốc đến hạn. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết vì vậy yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T buộc bà N phải trả số tiền nợ gốc đến hạn còn lại là 12.587.122 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền 12.587.122 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi suất chậm thi hành án:

Tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án (nếu có) nguyên đơn yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 theo đó mức lãi suất được tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T không yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có lợi cho bị đơn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 337.178 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 12.587.122 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 629.356 đồng.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Kim N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền nợ gốc đến hạn là 12.587.122 (Mười hai triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn một trăm hai mươi hai) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà N chưa thi hành thì bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 629.356 (Sáu trăm hai mươi chín ngàn ba trăm năm mươi sáu) đồng.

Hoàn lại số tiền 337.178 (Ba trăm ba mươi bảy ngàn một trăm bảy mươi tám) đồng tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T theo biên lai thu số AA/2016/0018392 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)